

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T. T.
THÀNH PHỐ H.

Số: 73/2022/QĐST- HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do - Hạnh Phúc.

T. T., ngày 16 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.

cứ hồ sơ vụ án HNGĐ thụ lý số 185/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị B., sinh năm 1986.

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H., sinh năm 1984.

Đều trú tại: Thôn Xâm X., xã H. V., huyện T. T., TP H.

Căn cứ vào các điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55,58,81,82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 185/2021 ngày 15 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị B. và anh Nguyễn Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B. và anh Nguyễn Văn H. thỏa thuận thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: Có 04 con chung Nguyễn Phương N., sinh ngày 16/8/2009, Nguyễn Hải Đ., sinh ngày 18/01/2014; Nguyễn Phương A., sinh ngày 02/01/2016 và Nguyễn Hải Đ., sinh ngày 30/11/2018. Anh chị thỏa thuận giao chị B. chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Phương A. và Nguyễn Hải Đ.; giao anh H. chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Phương N. và Nguyễn Hải Đ., đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi. Tạm hoãn việc đóng góp nuôi con chung cho chị B. và anh H. đến khi có yêu cầu và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

1.3. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị Nguyễn Thị B. và anh Nguyễn Văn H. tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị B. tự nguyện nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0022681 ngày 11 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. T., thành phố H. Trả lại chị Nguyễn Thị B. 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T. T.;
- Chi cục THADS huyện T. T.
- UBND xã H. V.;
- Lưu hồ sơ

Đoàn Lan H.